TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 28-9-2021
V/v:"Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quý Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2020, về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả tiền"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXX-HN ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Thị P, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Thái hoàng L, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn T, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

+ Đặng Thị Bích T, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn K, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Lâm Minh H, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Lâm Thị Bích Th, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Lâm Minh D, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn P, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Lâm Minh S, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn P, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Lâm Thị P trình bày:

Chị P ở thôn P, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã kết hôn với anh Thái Hoàng L ở thôn T, xã Ân Tường Tây, đăng ký tại UBND xã Ân Tường Tây vào năm 1996, nhưng do quá trình chung sống, anh L làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên chị P không có để nộp cho Tòa án. Vợ chồng chị P có 02 con chung tên là Thái Ngọc T, sinh năm 1997; Thái Hoàng Đ, sinh năm 1999. Chị P sống với anh L tại thôn T, xã Ân Tường Tây, đã xây dựng nhà ở là tài sản chung của 02 vợ chồng. Hiện nay chị P đã về ở thôn P, xã Ân Tường Tây. Lý do chị P xin ly hôn anh L là: Anh L đi ngoại tình với người khác, từ đó vợ chồng mất tình cảm, chị P đã bỏ đi vào TP. Hồ chí Minh làm thuê, không sống chung với anh L từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay và xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P ly hôn anh Thái Hoàng L. Về con chung, các con đã trên 18 tuổi, tự lo cho bản thân, chị P không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, lúc khởi kiện, chị P có yêu cầu, nhưng nay chị P xin rút phần chia tài sản chung, không yêu cầu nữa.

Về các khoản nợ chung: Chị đồng ý và yêu cầu chia đôi số nợ để vợ chồng cùng trả nợ.

- Bị đơn, anh Thái Hoàng L trình bày: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Thái Hoàng L không đến Tòa án tham gia giải quyết, không có bản khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

+ Đặng Thị Bích T trình bày: Chị T xác định vợ chồng Lâm Thị P và Thái Hoàng L nợ của chị T khoản tiền 88.670.000 đồng, nay chị P ly hôn anh L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng P và L trả số tiền nợ cho chị T. Đồng thời phải tính lãi suất kể từ ngày 11-01-2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của Ngân hàng theo mức lãi suất vay tiêu dùng là 9.8 %/năm.

+ Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà L1 xác định vợ chồng Lâm Thị P và Thái Hoàng L nợ của bà L1 khoản tiền 134.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng P và L trả số tiền nợ cho bà L1. Đến ngày 08-7-2021, bà L1 có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị P và anh L.

+ Lâm Minh H trình bày: Ông H xác định vợ chồng Lâm Thị P và Thái Hoàng L nợ của ông H khoản tiền 75.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng P và L trả số tiền nợ cho ông H. Đến ngày 08-7-2021, ông H có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị P và anh L.

+ Lâm Minh S xác định vợ chồng Lâm Thị P và Thái Hoàng L nợ của ông S khoản tiền 30.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng P và L trả số tiền nợ cho ông S. Đến ngày 08-7-2021, ông S có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị P và anh L.

+ Lâm Minh D xác định vợ chồng Lâm Thị P và Thái Hoàng L nợ của ông D khoản tiền 128.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng P và L trả số tiền nợ cho ông D. Đến ngày 08-7-2021, ông D có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị P và anh L.

+ Lâm Thị Bích Th xác định vợ chồng Lâm Thị P và Thái Hoàng L nợ của ông D khoản tiền 116.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng P và L trả số tiền nợ cho bà Lâm Thị Bích Th. Đến ngày 08-7-2021, bà Lâm Thị Bích Th có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị P và anh L.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm đối với vụ án khác.

+ Về nội dung giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, tuyên bố: Không công nhận chị Lâm Thị P và anh Thái Hoàng L là vợ chồng.

+ Đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung.

+ Buộc chị P, anh L cùng trả nợ cho Đặng Thị Bích T.

+ Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của các đương sự đã rút khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Lâm Thị P ở thôn H 1, xã Ân Tường Tây và anh Thái Hoàng L ở thôn T, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã sống chung với nhau từ năm 1996, có 02 con chung tên Thái Ngọc T, sinh năm 1997; Thái Hoàng Đ, sinh năm 1999. Hai người không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp. Chị P cho rằng: Anh L đi ngoại tình với người khác, từ đó chị P và anh L mất tình cảm. Tháng 02 năm 2018, chị P đã bỏ đi vào TP. Hồ chí Minh làm thuê, không sống chung với anh L từ đó cho đến nay, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P ly hôn anh Thái Hoàng L. Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi, tự lo cho bản thân, chị P không yêu cầu gì. Về tài sản chung, lúc khởi kiện chị P có yêu cầu, sau đó chị P tự nguyện rút phần chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Về các khoản nợ chung, chị P đồng ý chia đôi để chị P và anh L cùng có trách nhiệm trả nợ.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung, về nghĩa vụ rả tiền"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 59, 60, 61, 62, 63, 64 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 440 của Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn Thái Hoàng L không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả chị P, anh L đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Lâm Thị P.

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung từ tháng 02/2018 cho đến nay. Do đó có kéo dài cuộc sống chung giữa chị P và anh L thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị P đã cung cấp đơn xác nhận của UBND xã Ân Tường Tây là giữa chị P và anh L không đăng ký kết hôn và nay có tranh chấp ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn Nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, tuyên bố: Không công nhận chị Lâm Thị P và anh Thái Hoàng L là vợ chồng.

- Về con chung: Chị P không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Chị P đã có đơn xin rút phần chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị P thừa nhận chị P và anh L có nợ của chị Đặng Thị Bích T số tiền 88.670.000 đồng, chị P chấp nhận cùng anh L có trách nhiệm trả nợ cho Đặng Thị Bích T (theo phần mỗi người trả 44.335.000 đồng).

+ Các khoản nợ của: Nguyễn Thị L1, Lâm Minh D, Lâm Minh S, Lâm Minh H, Lâm Thị Bích Th thì chia đôi để chị P, anh L cùng trả nợ.

[3]. Đối với bị đơn Thái Hoàng L.

- Về hôn nhân: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, anh L đã được thông báo hợp lệ, nhưng cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Tại Tòa án, chị P cung cấp giấy xác nhận: Chị P và anh L không đăng ký kết hôn, nay có tranh chấp ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, tuyên bố: Không công nhận chị Lâm Thị P và anh Thái Hoàng L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh L không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh L không có yêu cầu.

- Về nợ chung: Tại Tòa án, chị P thừa nhận chị P và anh L có nợ của chị Đặng Thị Bích T số tiền 88.670.000 đồng và đồng ý trả nợ chung nên Hội đồng xét xử buộc chị P, anh L cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Đặng Thị Bích T, tiền lãi suất theo quy định.

[4]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Chị Đặng Thị Bích T: Đã đưa ra các tài liệu, chứng cứ đầy đủ chứng minh chị P và L còn nợ 88.670.000 đồng và được chị P chấp nhận nên có cơ sở để Hội đồng xét xử buộc chị P và L cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Đặng Thị Bích T. Tại Tòa, chị T yêu cầu tính tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng kể từ tháng 01/2017 cho đến nay là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: Từ tháng 01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 56 tháng, mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng 7,6%/12 tháng, cụ thể: 88.670.000 đồng x 7,6%/12 tháng x 56 tháng bằng 3.128.277 đồng; tổng cộng cả tiền nợ và tiền lãi là 91.798.277 đồng (theo phần chị P, anh L mỗi người trả 45.899.138 đồng).

- Các ông, bà: Nguyễn Thị L1, Lâm Minh D, Lâm Minh S, Lâm Minh H, Lâm Thị Bích Th đã có đơn tự nguyện xin rút yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của các đương sự.

[5]. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng là đảm bảo, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiêm đối với vụ án khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Tuyên bố: Không công nhận chị Lâm Thị P và anh Thái Hoàng L là vợ chồng.

- Về con chung: Các bên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Buộc chị P, anh L cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Đặng Thị Bích T số tiền 88.670.000 đồng; tiền lãi 3.128.277 đồng, tổng cộng 91.798.277 đồng (theo phần mỗi người trả 45.899.138 đồng).

- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của các đương sự: Nguyễn Thị L1, Lâm Minh D, Lâm Minh S, Lâm Minh H, Lâm Thị Bích Th.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tuyên buộc nghĩa vụ trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm thi hành án.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị P, anh L nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; các Điều 357, 440 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Lâm Thị P và anh Thái Hoàng L là vợ chồng.

- Về con chung: Các bên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Buộc chị Lâm Thị P, anh Thái Hoàng L cùng có trách nhiệm trả cho chị Đặng Thị Bích T số tiền 91.798.277 đồng (theo phần mỗi người trả 45.899.138 đồng).

- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của các đương sự: Nguyễn Thị L1, Lâm Minh D, Lâm Minh S, Lâm Minh H, Lâm Thị Bích Th.

Kể từ ngày người được thi hành án (Đặng Thị Bích T) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án (Lâm Thị P, Thái Hoàng L) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Lâm Thị P nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình; 2.294.956 đồng án phí sơ thẩm dân sự bằng tổng cộng 2.594.956 đồng được khấu trừ vào 600.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006148 ngày 26-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 1.994.956 đồng.

- Thái Hoàng L nộp 2.294.956 đồng án phí sơ thẩm dân sự .

- Hoàn trả cho Đặng Thị Bích T 2.216.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001798 ngày 10-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Hoàn trả cho Nguyễn Thị L1 3.350.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001805 ngày 12-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Hoàn trả cho Lâm Thị Bích Th 2.900.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001802 ngày 12-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Hoàn trả cho Lâm Minh H 1.875.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001803 ngày 12-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Hoàn trả cho Lâm Minh D 3.700.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001804 ngày 12-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Hoàn trả cho Lâm Minh S 750.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001806 ngày 12-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Luu HSVA.

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân